

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Tầng 3, toà nhà Hoàng Gia, 180 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Quý II năm 2013



Hà Nội, tháng 7 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		280.546.298.671	80.705.752.137
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	39.931.385.787	1.093.210.019
111	1. Tiền		501.385.787	93.210.019
112	2. Các khoản tương đương tiền		39.430.000.000	1.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		212.587.408.034	63.587.408.034
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	212.587.408.034	63.587.408.034
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.307.024.302	15.433.666.922
135	1. Các khoản phải thu khác	6	27.307.024.302	15.433.666.922
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		720.480.548	591.467.162
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		687.756.388	558.743.002
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		32.724.160	32.724.160
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		661.999.236.100	660.027.973.707
220	I. Tài sản cố định		-	28.737.607
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	-	28.737.607
222	Nguyên giá		437.206.400	437.206.400
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(437.206.400)	(408.468.793)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		95.691.587	95.691.587
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(95.691.587)	(95.691.587)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	661.281.225.100	659.281.225.100
251	1. Đầu tư vào công ty con	8.1	509.194.690.000	509.194.690.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	8.2	104.991.535.100	104.991.535.100
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8.3	47.095.000.000	45.095.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		718.011.000	718.011.000
263	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn		718.011.000	718.011.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		942.545.534.771	740.733.725.844

01/01/2013
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH
NINH VÂN BAY

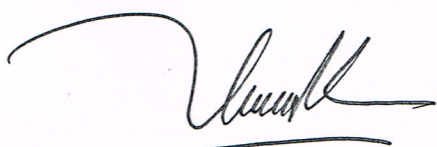
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

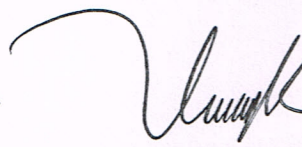
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.236.201.655	51.959.185.101
310	I. Nợ ngắn hạn		2.236.201.655	51.959.185.101
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	-	49.997.236.943
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.842.906	6.842.906
316	3. Chi phí phải trả		1.200.289.659	926.036.162
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	1.029.069.090	1.029.069.090
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	11	940.309.333.116	688.774.540.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	940.309.333.116	688.774.540.743
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	11.1	905.000.000.000	605.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	11.1	24.455.000.000	99.455.000.000
420	3. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.1	10.854.333.116	(15.680.459.257)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		942.545.534.771	740.733.725.844

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	1.751	1.756



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



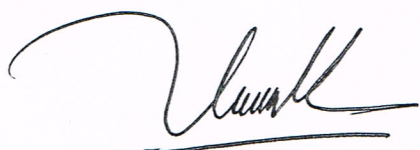
Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2013

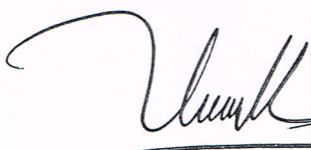
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Code	Chỉ Tiêu	Quý		Lũy kế năm	
		Quý 2.2013	Quý 2.2012	Năm 2013	Năm 2012
1	1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về BH và DV	-	-	-	-
11	4. Giá vốn hàng bán	-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19,880,023,685	9,194,816,145	32,658,708,167	11,767,670,309
22	7. Chi phí tài chính	(333,146,465)	(4,624,703,204)	(1,443,928,056)	(4,625,435,542)
23	- Trong đó : Chi phí lãi vay	(319,384,654)	(160,750,727)	(319,384,654)	-
24	8. Chi phí bán hàng	-	-	-	-
25	9. Chi phí quản lý kinh doanh	(3,552,598,295)	(1,580,460,968)	(4,889,987,739)	(2,165,348,426)
30	10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	15,994,278,925	2,989,651,973	26,324,792,373	4,976,886,342
31	11. Thu nhập khác	210,000,000	62,533,039	210,000,000	92,241,740
32	12. Chi phí khác	-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác	210,000,000	62,533,039	210,000,000	92,241,740
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,204,278,925	3,052,185,012	26,534,792,373	5,069,128,082
51	16. Chi phí thuế thu nhập DN	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	16,204,278,925	3,052,185,012	26,534,792,373	5,069,128,082



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		26.534.792.373	5.069.128.082
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		28.737.607	86.379.652
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12	(19.765.450.390)	(5.613.100.449)
06	Lãi tiền gửi và tiền cho vay	12	(12.893.257.777)	(1.694.569.860)
07	Chi phí lãi vay	13	1.208.675.378	160.750.727
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.886.502.809)	(1.991.411.848)
09	Giảm/ (tăng) các khoản phải thu		890.887.012	(40.427.227)
11	Tăng các khoản phải trả		274.253.496	10.814.701.500
12	Giảm chi phí trả trước		-	35.280.000
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.208.675.378)	(160.750.727)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(4.930.037.679)	8.657.391.698
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(151.000.000.000)	(17.545.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.950.000.000
25	Tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.513.000.000)
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/bán công ty con		-	1.003.000.000
28	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.765.450.390	10.133.673.771
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(131.234.549.610)	(4.971.326.229)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		225.000.000.000	-
34	Tiền vay ngắn hạn nhận được		-	2.538.810.000
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		(49.997.236.943)	(4.538.810.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		175.002.763.057	(2.000.000.000)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		38.838.175.768	1.686.065.469
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.093.210.019	93.961.517
70	Tiền và tương đương cuối kỳ	4	39.931.385.787	1.780.026.986

Ngô Thị Thanh Hải
Người lập

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty"), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
0103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
0103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
0102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010
0102051941	Ngày 15 tháng 7 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 9 năm 2010
0102051941	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 20 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 17 tháng 5 năm 2012
0102051941	Ngày 05 tháng 6 năm 2013

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- ▶ Khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- ▶ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- ▶ Sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất; và
- ▶ Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

CH
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con, trong đó:

► ***Công ty TNHH Hai Dung***

Công ty con này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006, với số vốn điều lệ là 110 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Hai Dung có trụ sở đặt tại ấp Bến Cỏ, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và văn phòng giao dịch đặt tại số 24 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Hai Dung là kinh doanh bất động sản, đầu tư khu du lịch sinh thái và kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

► ***Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải***

Công ty con này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty nắm 51% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con và các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8. Công ty đã lập và công bố các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng cần lập và công bố các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để có được các thông tin tổng thể và đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành nói chung và chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ nói riêng và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự mà công ty không thể thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

10/06/2013
CỔ ĐÔNG
VỊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

2.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường chứng khoán tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty đã áp dụng CMKTVN số 10 và Thông tư 179 để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

19
3 T
H
AN
ÂN
NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

47
Y
N
JUL
BAY
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.15 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và các khoản đầu tư vào các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu. Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn và các khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>31 tháng 12 năm 2012</i>
Tiền mặt	20.022.332	15.819.279
Tiền gửi ngân hàng	481.363.455	77.390.740
Các khoản tương đương tiền	39.430.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>39.931.385.787</u>	<u>1.093.210.019</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>31 tháng 12 năm 2012</i>
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 15)	212.587.408.034	63.587.408.034
TỔNG CỘNG	<u>212.587.408.034</u>	<u>63.587.408.034</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Phải thu lãi vay từ Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	11.520.346.576	1.698.329.658
Phải thu lãi vay từ Công ty TNHH Hai Dung	7.127.050.336	5.259.962.088
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	4.350.000.000	4.350.000.000
Chi phí chi trả hộ Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	3.321.792.804	3.321.792.804
Chi phí chi trả hộ Công ty TNHH Hai Dung	369.304.200	337.804.200
Chi phí chi trả hộ Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	-	273.959.400
Phải thu lãi vay từ Công ty TNHH Sinh thái Cồn Bắp	357.328.767	-
Phải thu lãi vay từ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	255.400.222	186.017.375
Chi phí trả hộ Công ty Cổ phần Emeraldal Management Group	5.801.397	5.801.397
TỔNG CỘNG	27.307.024.302	15.433.666.922

Trong đó:

Phải thu khác	4.350.000.000	4.350.000.000
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 15)	22.957.024.302	11.083.666.922

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

Trang thiết bị văn phòng

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2013	437.206.400
Tăng trong kỳ	-
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	437.206.400

Giá trị hao mòn:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2013	437.206.400
Khấu hao trong kỳ	-
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	437.206.400

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2013	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Đầu tư vào công ty con	509.194.690.000	509.194.690.000
Đầu tư vào công ty liên kết	104.991.535.100	104.991.535.100
Đầu tư dài hạn khác	47.095.000.000	45.095.000.000
TỔNG CỘNG	661.281.225.100	659.281.225.100

8.1 Đầu tư vào công ty con

	Đơn vị tính: VNĐ			
Tên đơn vị	30 tháng 6 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Giá trị	%	Giá trị	%
Công ty TNHH Hai Dung	204.742.800.000	90	204.742.800.000	90
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	304.451.890.000	51	304.451.890.000	51
TỔNG CỘNG	509.194.690.000		509.194.690.000	

8.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	30 tháng 6 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Giá trị	%	Giá trị	%
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	63.930.000.000	40,21	63.930.000.000	40,21
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt	41.061.535.100	29,15	41.061.535.100	29,15
TỔNG CỘNG	104.991.535.100		104.991.535.100	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Công ty CP Du lịch Tân Phú	43.095.000.000	43.095.000.000
Phải thu Công ty TNHH Hai Dung	2.000.000.000	-
Công ty Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Emeraldalda Management Group	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	47.095.000.000	45.095.000.000

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Vay từ công ty Recapital Investment Pte Ltd	-	41.680.000.000
Vay ngắn hạn khác	-	8.317.236.943
TỔNG CỘNG	-	49.997.236.943

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Tiền bán thẻ nghỉ thu hộ Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	1.029.069.090	1.029.069.090
TỔNG CỘNG	1.029.069.090	1.029.069.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	Tổng cộng
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012:				
Số dư đầu kỳ	605.000.000.000	99.455.000.000	11.620.651.216	716.075.651.216
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.069.128.082	5.069.128.082
Số dư cuối kỳ	<u>605.000.000.000</u>	<u>99.455.000.000</u>	<u>16.689.779.298</u>	<u>721.144.779.298</u>
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013:				
Số dư đầu kỳ	605.000.000.000	99.455.000.000	(15.680.459.257)	688.774.540.743
- Tăng vốn trong kỳ	300.000.000.000	(75.000.000.000)	-	225.000.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	26.534.792.373	26.534.792.373
Số dư cuối kỳ	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>10.854.333.116</u>	<u>940.309.333.116</u>

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2012, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường và ban hành Nghị Quyết số 85/2012/NVB-CNTT về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn thu được từ tăng vốn điều lệ của Công ty từ 605 tỷ đồng Việt Nam lên 905 tỷ đồng Việt Nam.

Cũng trong ngày 23 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 25/2012/QĐ-HĐQT về việc thông qua danh sách lựa chọn nhà đầu tư tham gia mua cổ phần phát hành riêng lẻ. Theo Công Văn số 149/UBCK-QLPH của Ủy Ban Chứng khoán vào ngày 11 tháng 01 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán đã chấp thuận cho Công ty được quyền chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo chi tiết như trên.

Theo Quyết định số 02/2013/QĐ-HĐQT vào ngày 30 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc ký kết và thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần phát hành riêng lẻ với Recapital Investment PTE.LTD.

Theo Quyết định số 03/2013/NVB/QĐ – HĐQT vào ngày 2 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định phê duyệt kết quả chào bán 30 triệu cổ phần phổ thông của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường số 02/2012/NVB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 12 năm 2012 như sau:

- Tổng số cổ phần chào bán: 30.000.000 cổ phần;
Tổng mệnh giá cổ phần chào bán: 300 tỷ đồng Việt Nam;
Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông.
- Tổng số cổ phần đã bán: 30.000.000 cổ phần;
Tổng mệnh giá cổ phần đã bán: 300 tỷ đồng Việt Nam;
Loại cổ phần đã bán: Cổ phần phổ thông.

Việc phát hành và bán cổ phần này làm tăng vốn chủ sở hữu của Công ty thêm 225 tỷ đồng Việt Nam, trong đó tăng vốn cổ phần là 300 tỷ đồng Việt Nam (tương ứng với 30.000.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần) và giảm thặng dư vốn cổ phần là 75 tỷ đồng Việt Nam.

05
NG
PI
NG S
HV
TRU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn 3 tháng tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải - Công ty con của Công ty	9.462.593.230	8.271.768.235
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.611.423.772	923.047.910
TỔNG CỘNG	19.880.023.685	9.194.813.145

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn 3 tháng tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Chi phí lãi vay	319.384.654	160.750.727
Chi phí tài chính khác	13.761.811	4.463.952.477
TỔNG CỘNG	333.146.465	4.624.703.204

14. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn 3 tháng tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Chi phí nhân công	1.676.049.262	986.338.867
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	14.536.364	60.829.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.915.965	20.933.626
Chi phí khác	1.853.096.704	512.358.655
TỔNG CỘNG	3.552.598.295	1.580.460.974

17-
Y
N
JULY
BAY
-TP-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			Đơn vị tính: VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VNĐ
Công ty TNHH Hai Dung	Công ty con	Cho công ty con vay Lãi vay phải thu công ty con	4.000.000.000 1.867.088.248
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Công ty con	Cổ tức được chia từ công ty con Trả gốc vay cho công ty con	19.765.450.390 8.317.236.943
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Cho vay Lãi vay phải thu	13.500.000.000 357.328.767
Recapital Investment Pte. Ltd.,	Bên liên quan khác	Trả gốc vay Lãi vay phải trả	41.680.000.000 1.024.101.079
Công ty cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho vay Lãi vay phải thu	133.500.000.000 9.822.016.918

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả)
Đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho vay	175.180.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Cho vay	850.000.000
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Cho vay	13.500.000.000
Công ty TNHH Hai Dung	Công ty con	Cho vay	23.057.408.034
			<u>212.587.408.034</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày
Ninh Vân Bay

		Trang bị văn phòng	992.248.701
		Khoản phải thu chuyển từ công ty Thuận An	254.016.031
		Phải thu khác	42.000.000
Công ty Cổ phần Emerald Management Group	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Chi phí trả hộ	5.801.396
			22.957.024.302

Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 8.3)

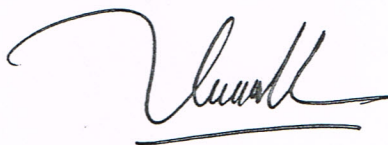
Công ty Cổ phần du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho vay	24.735.000.000
			24.735.000.000

Phải trả khác (Thuyết minh số 10)

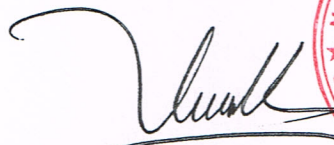
Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Tiền bán thẻ nghỉ thu hộ công ty con	1.029.069.090
			1.029.069.090

16. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN GIỮA QUÝ 2 NĂM 2012 VÀ QUÝ 2 NĂM 2013

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ Quý 2 Năm 2012: **3.052.185.012 đồng.**
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ Quý 2 năm 2013: **16.204.278.925 đồng.**
Lợi nhuận Quý 2 năm 2013 tăng so với Quý 2.2012 : **13.152.093.913 đồng.**
Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do Năm 2013 công ty mẹ Ninh Vân Bay đã phát hành tăng vốn chủ sở hữu thêm 225 tỷ đồng Việt Nam. Toàn bộ số tiền phát hành tăng vốn công ty mẹ đã hỗ trợ cho các dự án của công ty con bằng việc cho vay dài hạn. Công ty mẹ đã thu về một khoản hơn chục tỷ lợi nhuận từ việc cho vay dài hạn này và đó cũng chính là lý do lợi nhuận Quý 2 năm 2013 cao hơn lợi nhuận Quý 2 năm 2012.



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2013